

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/DS-PT

Ngày 24 - 7 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Sự;

Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Tr; cư trú tại: Tổ R, ấp Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ Th; cư trú tại: Tổ E, Khu W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Mỹ Th - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr có yêu cầu khởi kiện như sau:

Do có quen biết với bà Trần Thị Mỹ Th; ngày 20/3/2016, bà Tr có cho bà Th vay số tiền là 100.000.000 đồng. Khi cho vay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói với nhau lãi suất là 4%/ngày; thời hạn trả tiền là 05 ngày kể từ ngày vay, bà Th sẽ trả tiền gốc và lãi. Tuy không làm giấy tờ vay nhưng tại thời điểm giao tiền, có mặt bà Nguyễn Thị Đ và bà Bùi Thị Bích L làm chứng. Hết thời hạn 05 ngày là ngày 25/3/2016, bà Th trả trực tiếp cho bà Tr được 30.000.000 đồng; đến ngày 07/4/2016, bà Th trả tiếp cho bà Tr thêm 30.000.000 đồng; lần trả tiền này, bà Th gửi cho bà Đ đem trả cho bà Tr. Như vậy, qua 02 lần trả tiền, bà Th mới trả cho bà Tr được 60.000.000 đồng và còn nợ 40.000.000 đồng. Mặc dù, bà Tr đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà Th phải trả hết số nợ nhưng bà Th không trả; nên hai bên mới phát sinh tranh chấp.

Nay bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Mỹ Th có trách nhiệm hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại là 40.000.000 đồng, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền lãi là 3.600.000 đồng.

2. Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Th trình bày:

Bà Trần Thị Mỹ Th quen biết bà Nguyễn Thị Thu Tr thông qua bà Nguyễn Thị Đ, chứ không thân thiết. Bà Th không được trực tiếp liên hệ với bà Tr để vay tiền; nên bà Th không nợ bà Tr khoản tiền nào.

Đối với số tiền mà bà Tr khởi kiện; theo bà Th, là do bà Đ trực tiếp liên hệ vay tiền của bà Tr. Do trước đó, vào khoảng cuối năm 2015, bà Đ có dẫn ông Nguyễn Văn C về mai mối cho bà Th; khi mới quen nhau được khoảng 02 tháng, ông C nhiều lần hỏi vay mượn tiền nhưng bà Th không cho mượn; bà Nguyễn Thị Đ là bạn thân của bà Th đứng ra năn nỉ và bảo lãnh cho ông C; vì tình nghĩa, bạn bè thân thiết với bà Đ nên bà Th có đi mượn tiền của người khác về đưa cho ông C vay, tổng số tiền bà Th đã chuyển khoản và đưa cho ông C vay là 150.000.000 đồng. Sau đó, ông C lại tiếp tục hỏi vay tiền của bà Th; lần này, bà Th nói không có tiền, nên bà Đ mới liên hệ với bà Tr để vay tiền; việc bà Đ vay tiền như thế nào thì bà Th không biết.

Vào ngày 20/3/2016, bà Đ đến nhà bà Th, nói là đã mượn được tiền cho ông C, gọi bà Th đi đến nhà bà Tr. Tại nhà bà Tr, có mặt bà Đ và bà Bùi Thị Bích L. Khi em trai của bà Tr lấy tiền về đưa cho bà Tr, thì bà Đ cầm từ tay bà Tr rồi đưa cho bà Th và nói bà Th mang đi gửi cho ông C. Bà Th thừa nhận có

cầm số tiền 100.000.000 đồng của bà Tr, mang đi gửi vào tài khoản số 560305017796 cho ông Nguyễn Văn C. Đồng thời, bà Th cũng thừa nhận là có trả cho bà Tr 02 lần; lần 01 tại nhà bà Đ trả 30.000.000 đồng đưa trực tiếp cho bà Tr, lần 02 do ông C và bà Đ hối thúc, bà Th mới đưa tiền cho bà Đ 30.000.000 đồng để trả cho bà Tr; số tiền đã trả này, bà Th phải lấy tiền của mình là để trả giùm cho bà Đ. Do bà Th không phải là người vay tiền và nhận tiền của bà Tr; nên không đồng ý trả số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

3. Người làm chứng trình bày trong hồ sơ vụ án:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ (các bút lục số 22, 33a, 87, 159 và 160):

Bà Đ có biết việc bà Nguyễn Thị Thu Tr cho bà Trần Thị Mỹ Th vay tiền vào ngoài Tết năm 2016, tại nhà bà Tr. Khi vay tiền, có bà Đ chở bà Bùi Thị Bích L đến và chứng kiến; em trai của bà Tr đem tiền về, bà Tr đưa 100.000.000 đồng, bà Th đếm tiền và cầm tiền đi về. 05 ngày sau khi vay, tại cổng nhà bà Đ, bà Th có trả trực tiếp cho bà Tr 30.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, còn có ông Th1 hàng xóm chứng kiến. Sau đó, khi bà Đ đang ở nhà bà Chương A M, bà Tr gọi điện thoại nói bà Đ cầm tiền do bà Th trả, bà Th cầm tiền đưa cho bà Đ 30.000.000 đồng và có bà M chứng kiến.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn C là bạn của bà Đ, bà Th trình bày việc mai mối là không đúng. Đối với số tiền 100.000.000 đồng, bà Đ không liên hệ với bà Tr để hỏi mượn tiền dùm cho bà Th. Bà Đ có biết việc bà Tr hay cho người khác vay tiền nên mới nói với bà Th; đồng thời, có đi cùng bà Th đến nhà bà Tr để bà Th vay tiền.

3.2. Bà Bùi Thị Bích L (các bút lục số 21 và 35):

Bà L biết việc bà Nguyễn Thị Thu Tr cho bà Trần Thị Mỹ Th vay tiền vào ngày 20/3/2016; hôm đó, bà Nguyễn Thị Đ và bà Th đến nhà bà Tr trước rồi bà mới đến do bà Tr gọi điện thoại đến chơi. Bà L thấy em trai bà Tr lấy tiền về, bà Tr đưa cho bà Th 100.000.000 đồng và bà Th có đếm tiền; đồng thời, bà L nghe thỏa thuận là mượn 05 ngày rồi trả. Bà L không chứng kiến việc trả tiền, nhưng nghe bà Tr nói lại là bà Th đã trả được 60.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L không chứng kiến nội dung nào khác.

3.3. Bà Chương A M (bút lục số 86 và 193):

Vào khoảng tháng 3 năm 2016, bà M có tổ chức tiệc tại nhà, bà M có thấy bà Trần Thị Mỹ Th đến và đưa tiền cho bà Nguyễn Thị Đ; khi bà Th đi, bà Đ có nói là bà Th gởi tiền để trả cho bà Nguyễn Thị Thu Tr. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

3.4. Ông Nguyễn Quốc Tr1 (bút lục số 88):

Ông Tr1 là em ruột của bà Nguyễn Thị Thu Tr, ông Tr1 không quen biết với bà Trần Thị Mỹ Th. Vào ngày 20/3/2016, theo yêu cầu của bà Tr, ông Tr1 có đi lấy 100.000.000 đồng; khi về đến nhà, ông Tr1 thấy có mặt bà Nguyễn Thị Đ, bà Bùi Thị Bích L và bà Trần Thị Mỹ Th. Sau khi đưa tiền cho bà Tr, bà Tr đưa ngay số tiền trên cho bà Th. Ngoài ra, ông Tr1 không biết nội dung nào khác.

3.5. Ông Nguyễn Văn C (các bút lục số 163 và 164)

Ông Nguyễn Văn C có mối quan hệ tình cảm với bà Trần Thị Mỹ Th; tuy nhiên, hiện nay mối quan hệ này không còn. Ông C xác nhận, vào ngày 31/3/2016, bà Trần Thị Mỹ Th có chuyển khoản cho ông C theo số tài khoản 560320501177XX tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã B, với số tiền là 100.000.000 đồng; số tiền này, ông C không biết bà Th mượn của ai và bà Th đã trực tiếp lấy lại 70.000.000 đồng sau đó. Giữa ông C và bà Th có thỏa thuận làm ăn chung; ban đầu dự định mua xe tải để ông C chạy hoặc mua bán đất; do không đủ tiền nên ông C đã trả lại hết tiền cho bà Th. Khi bà Th gửi tiền cho ông C, bà Th không nói cho ông C về nguồn gốc số tiền này. Việc bà Th vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu Tr như thế nào thì ông C không biết.

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1, Điều 159; Khoản 2, Điều 305; Khoản 1, Điều 401; các Điều 471, 472, 473 và 474; Khoản 2, Điều 478 của Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr. Buộc bà Trần Thị Mỹ Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Tr số tiền vay gốc còn nợ là 40.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, bị đơn - bà Trần Thị Mỹ Th kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do, bà Th không phải là người vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu Tr, bà Nguyễn Thị Đ mới là người vay. Sau đó, bà Đ nhờ bà Th chuyển khoản giúp cho ông Nguyễn Văn C. Do đó, cấp sơ thẩm

tuyên buộc bà Th phải trả cho bà Tr 40.000.000 đồng là không có cơ sở.

6. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Về việc chấp hành pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, đảm bảo sự vô tư, khách quan giải quyết vụ án, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định về trình tự phiên tòa phúc thẩm.

- Bị đơn chấp hành tốt pháp luật.

6.2. Quan điểm đối với phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo:

Do việc vay tiền các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng; nên căn cứ vào lời khai của các đương sự và người làm chứng để giải quyết; mọi người đều khai thống nhất bà Th là người nhận số tiền 100.000.000 đồng của bà Tr, bà Th cầm số tiền này để chuyển khoản cho ông C; sau đó, bà Th là người trả số nợ gốc 60.000.000 đồng cho bà Tr. Việc bà Th khai bà Đ mới là người đứng ra vay tiền từ ông C, còn bà Th chỉ cầm tiền đi chuyển khoản từ ông C; sau đó, bà Th cho bà Đ vay 60.000.000 đồng để trả nợ, việc này không được bà Tr và bà Đ thừa nhận. Bà Th không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định bà Th là người vay tiền và buộc bà Th trả 40.000.000 đồng còn thiếu cho bà Tr là có căn cứ. Bà Th kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác để chứng minh nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất 26/6/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr có mặt và được tổng đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa. Tại

phiên tòa lần thứ hai hôm nay, bà Tr vắng mặt. Căn cứ Khoản 3, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung

Xét các tình tiết sau đây:

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Th không thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thu Tr 100.000.000 đồng mà cho rằng, bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp liên hệ vay tiền và nhận tiền từ bà Tr; qua đối chất, bà Đ cũng không thừa nhận tình tiết này mà xác định, chỉ liên hệ hỏi mượn tiền dùm cho bà Th.

- Khi bà Tr đưa tiền, bà Th là người trực tiếp cầm số tiền 100.000.000 đồng và kiểm đếm; sau đó, rời khỏi nhà của bà Tr mang đi gửi cho ông Nguyễn Văn C, tài liệu thể hiện là giấy nộp tiền đề ngày 21/3/2016; việc này, được ông C xác nhận.

- Bị đơn bà Th thừa nhận 02 lần phải vay tiền để trả cho bà Tr, tổng cộng 60.000.000 đồng. Về vấn đề này, được nguyên đơn và người làm chứng Chương A M xác nhận, cụ thể: Lần đầu ngày 25/3/2016, trực tiếp trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà Tr tại nhà bà Đ; lần thứ hai ngày 07/4/2016, bà Th đưa tiền cho bà Đ 30.000.000 đồng, để bà Đ đưa cho bà Tr giúp bà Th. Bà Th cho rằng việc trả số tiền 60.000.000 đồng cho bà Tr là trả dùm cho bà Đ là không có cơ sở, mâu thuẫn với chính lời khai của mình; bởi vì, nếu bà Th cho rằng không vay tiền của bà Tr thì tại sao lại trực tiếp trả tiền cho bà Tr.

- Ngoài ra, bà Lê Kim H và bà Huỳnh Thị M là hàng xóm của bà Th đều xác nhận, trong thời gian tháng 2 năm 2016 (âm lịch), bà H có cho bà Th vay 30.000.000 đồng và bà M cho bà Th vay 80.000.000 đồng; điều này phù hợp với tình tiết bà Th khai có mượn tiền của nhiều người để gửi cho ông C vay.

Kết luận: Việc giao dịch về vay tài sản không lập thành văn bản; căn cứ vào lời khai của các đương sự, lời khai người làm chứng và những nội dung trên, đủ cơ sở xác định: Ngày 20 tháng 3 năm 2016, bà Nguyễn Thị Thu Tr cho bà Trần Thị Mỹ Th vay số tiền 100.000.000 đồng, không làm giấy vay tiền, khi giao tiền cho bà Th có mặt bà Nguyễn Thị Đ, bà Bùi Thị Bích L và ông Nguyễn Quốc Tr1 chứng kiến. Tổng cộng, bà Th đã 02 lần trả là 60.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định bà Th là người vay tiền và buộc bà Th trả 40.000.000 đồng còn thiếu cho bà Tr là có căn cứ. Bà Th không cung cấp thêm được chứng cứ gì khác để chứng minh nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận

[3] Án phí: Căn cứ Khoản 1, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định đúng nên giữ nguyên.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Mỹ Th;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Áp dụng các Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr. Buộc bà Trần Thị Mỹ Th phải hoàn trả cho bà Tr số tiền vay gốc còn nợ là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được nêu tại mục 1 phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ Th phải nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu Tr số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, đã nộp tại Biên lai Thu tạm ứng án phí Tòa án số: 005248 ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai Thu tạm ứng án phí Tòa án số: 007233 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Bà Th đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện T;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành